

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RC4+RCDM	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	CHUYEN 1 RC4+RCDM
2		PPD+BK6	7:25	20+0	0+0		13+9	0+0	
3		CTK3+BK4+PPD	9:25	21+1+0	0+0+0		6+1+15	0+0+0	
4		BK14+CNV+JS2	9:25	6+7+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
5		AMD+GTCL+CTK3	9:25	4+5+12	0+0+0		1+1+19	0+0+0	KIỂM TRA ĐĨA BAY GTCL, GIÀN PHỐI HỘP CTY BAY
6		AMD	11:25	19	0		22	0	
7		VSP02+BK9-BK6	11:25	7+15	0+0		6+15	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 3 NGƯỜI ĐI VSP02 VỀ CHUYẾN CUỐI
2/GTC1 KIỂM TRA ĐĨA BAY, Y/C GIÀN PHỐI HỘP KIỂM TRA

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2019	TO: VSP02 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Toan	ETA: 09:15
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY ĐÔNG	VSP02					70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC NAM	VSP02					70	D-HANH	Vietnamese
3	SABITOV	VSP02					78	D-HANH	Russian
4	BUI VAN THOAI	VSP02					70	YTE	Vietnamese
5	THAI VĂN TUẤN	VSP02	78	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	POKLONSKI	VSP02	75	1	5		82	KH-THAC	Russian
7	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02					74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	84	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	79	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	73	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	80	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	81	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CÔNG HOÀN	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02					77	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	82-83	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	86-87	2	17		66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	76	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	85	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	74	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	77	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	15	80	1.549	0	22		CHUYỂN 1 PAX TỪ RC4 SANG RCDM
2	RC4	0	0	0	0	0	0		
3	RCDM	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	15	80	1.549	0	22		
WEIGHT KG				80	1.549	0			

GRAND TOAL: 1.629 KGS

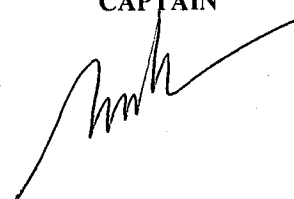
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2019	TO: PPD - BK6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG DÂN	PPD	73-74	2	15		75	YTE	Vietnamese
2	BUI VĂN VIỆN	PPD	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG PHÁT	PPD	11	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					63	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NANG PHONG	PPD	02	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	69-70	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	03	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGỌC DUNG	PPD	72	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH TRI	PPD	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN ĐÀO	PPD	75-76	2	10		93	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	04-05	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	BIỆN MINH SƠN	PPD	08	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	06	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	67	1	10	75	100	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC SƠN	PPD	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VĂN TIẾN	PPD	78	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	TRẦN HỮU CUÔNG	PPD	09	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	21	111	1.419	75	15		
2	BK6	0	0	0	0	40	7		
TOTAL		20	21	111	1.419	115	22		
WEIGHT KG				111	1.419	115			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2019	TO: CTK3 - BK4 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 11:20
VANG-2			

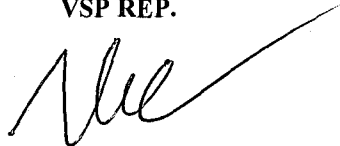
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI DOÁN BÌNH	CTK3	77	1	5		75	NIPI	Vietnamese
2	PHẠM HOANG LONG	CTK3	76	1	5		77	NIPI	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU ĐỨC	CTK3	98-99	2	7	50	82	T-TIN	Vietnamese
4	PHẠM HUY ĐÌNH	CTK3	700,55	2	12		58	T-TIN	Vietnamese
5	PHAN TẤT THẮNG	CTK3	66	1	2		62	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	61	1	3	20	65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐẠI	CTK3	56	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	68	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	58	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	CTK3	97	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ THANH LIÊM	CTK3	60	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
12	HÀ MINH GIANG	CTK3	57	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
13	DOÁN QUANG TUẤN	CTK3	69	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU BAO	CTK3	94	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG TUAN	CTK3	64	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	59	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	67	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUANG THAI	CTK3	62-63	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN BÌNH	CTK3	65	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH QUANG	CTK3	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯU VĂN KHƯƠNG	BK4	23-24	2	6	50	72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	23	124	1.496	70	7		
2	BK4	1	2	6	72	50	1		
3	PPD	0	0	0	0	20	14		
TOTAL		22	25	130	1.568	140	22		
WEIGHT KG				130	1.568	140			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

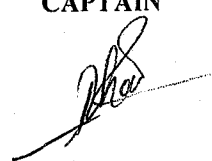
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2019	TO: BK14 - CNV - JS2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Thanh - HUNG - Năm	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TOÀN	BK14	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO KIM CUÔNG	BK14	18	1	5	60	60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN LAM	BK14	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ĐÌNH HUY	BK14	22	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIỀN CUÔNG	BK14	21	1	6		67	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH GIAU	BK14	20	1	5		65	PSV	Vietnamese
7	ĐỖ QUỐC TUNG	CNV	85	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	86	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	80-81	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO TRỌNG HIỆP	CNV	82	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	84	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	CNV	83	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	6	6	31	395	60	10		
2	CNV	7	8	52	511	70	7		
3	JS2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		13	14	83	906	130	22		
WEIGHT KG				83	906	130			

GRAND TOAL: 1.119 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2019	TO: AMD - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Toan	ETA: 11:15
CAM-2			

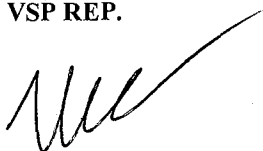
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	73	1	10		67	HLJOC	Vietnamese
2	PHAM KHANH THANH LONG	AMD	74-75	2	13		79	HLJOC	Vietnamese
3	CU XUAN HUY	AMD	76-77	2	10	5	63	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH KHOI	AMD	70-71	2	17		62	HLJOC	Vietnamese
5	BUI THE DIEN	GTC1	72	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM THE QUANG	GTC1	73	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN QUY	GTC1	22	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VO TRONG NHIEU	GTC1	23-24	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THAI THANH	GTC1	71	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	63	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM QUOC CUONG	CTK3	71	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG QUANG HUY	CTK3	67-68	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HAO	CTK3	70	1	5	127	65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG DINH HUY	CTK3	72-73	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
15	LUYEN VAN THIEU	CTK3	66	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN KHAC THANG	CTK3	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DAN QUE	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
18	SMIRHOV SE-	CTK3	64-65	2	15		100	KH-THAC	Russian
19	NGUYEN HUU VIET	CTK3	61	1	8		72	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH VUONG	CTK3	62	1	6		96	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	7	50	271	5	2		
2	GTC1	5	6	49	347	0	1		
3	CTK3	11	13	76	826	127	19		
TOTAL		20	26	175	1.444	132	22		
WEIGHT KG				175	1.444	132			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

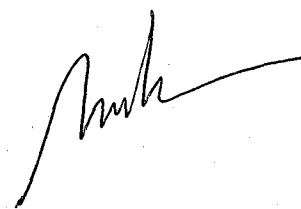
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2019	TO: AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Năm	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA NGOC HOAN	AMD	71	1	10	76	70	HLJOC	Vietnamese
2	NGO SY KHOI	AMD	63	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI THANH THAO	AMD	68	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN GIANG	AMD	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	65	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG LONG	AMD	61-62	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TRI TRUNG	AMD	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRUNG KIEN	AMD	51	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH KHOA	AMD	64	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG LONG	AMD	60	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	DO THE THANH	AMD	52-53	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TUNG	AMD	80	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TAN	AMD	66	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET THANG	AMD	55	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
16	LE MINH THUAN	AMD	58-59	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	57	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HONG SON	AMD	70	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
19	LUU QUANG DAT	AMD	71-72	2	11	23	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN QUOC THANG	AMD	69	1	4		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	24	169	1.417	99	22		
	TOTAL	20	24	169	1.417	99	22		
	WEIGHT KG			169	1.417	99			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

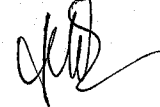
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2019	TO: VSP02 - BK9 - BK6	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - Toàn	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI HUY BINH	VSP02					82	KH-THAC	Vietnamese
3	VU THAI SON	VSP02	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	78	1	7	18	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	VSP02	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO ĐỨC CHU	VSP02	09	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	77	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LŨ SƠN	VSP02	80	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ VĂN HUNG	VSP02	79	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG QUAN	VSP02	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					53	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO TRUNG DŨNG	VSP02	75	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VU HAI ĐĂNG	VSP02	71-72	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN HUY	VSP02	89	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC CHINH	BK9	99	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC CUÔNG	BK9	98	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO VIỆT HUNG	BK9	95	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK9	96	1	8	50	68	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG HỮU TRỌNG	BK9	87-88	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT THẮNG	BK9	35	1	5		72	NIPi	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	97	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	15	14	76	1.009	18	14		
2	BK9	7	8	53	490	50	6		
3	BK6	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	22	129	1.499	88	22		
WEIGHT KG				129	1.499	88			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+BK3	7:25	17+5	0+0		8+14	0+0	
2		TTC3+P10+RCDM	7:25	3+19+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0	
3		BK14+BK9+TD2	7:25	8+4+6	0+0+0		7+0+15	0+0+0	
4		CLO+P2+P6	9:25	4+18+0	0+0+0		1+14+7	0+0+0	
5		BK5+P2	9:25	4+18	0+0		0+21	0+0	
6		P8+P10+P9	9:25	1+6+15	0+0+0		1+5+16	0+0+0	
7		RP1+BK10+BK4	11:25	1+12+7	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
8		P11+P9+P4	11:25	6+8+1	0+0+0		4+7+9	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2019	TO: P11 - BK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	P11	70	1	6		65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC PHONG	P11	73	1	4		60	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THỌ	P11	77	1	4		90	D-HANH	Vietnamese
4	PHÙNG QUANG THẮNG	P11	71	1	4	95	60	D-HANH	Vietnamese
5	CHU MINH HÙNG	P11	53	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
6	ARTIUSHIN	P11	72	1	9		83	ANTOAN	Russian
7	MISHIN	P11	80	1	6		90	NIPI	Russian
8	SAVELEV	P11	79	1	5		110	NIPI	Russian
9	HOANG MẠNH CƯỜNG	P11	81-82	2	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CỎ	P11	67	1	2		48	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC ANH	P11					75	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI CÔNG LAN	P11					67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN LINH	P11	78	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO MINH HOANG	P11	66	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KIM NGỌC	P11	25-26	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	P11	74	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NG. TR. NHẬT MINH	P11	68	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI HAI HA	BK3	58-59	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CÔNG VINH	BK3	60	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	BK3	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG THANH TRUNG	BK3	56	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯỜNG TRỌNG HẠN	BK3	55	1	4		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	17	17	83	1.214	95	8		
2	BK3	5	6	27	313	0	14		
TOTAL		22	23	110	1.527	95	22		
WEIGHT KG				110	1.527	95			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

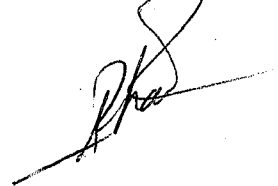
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2019	TO: TTC3 - P10 - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - HỒi - Trường	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TUƠNG	TTC3	27-28	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN TAM	TTC3	26	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUY TAI	TTC3	25	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HUNG MÊN	P10	52-53	2	10		62	YTE	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC HÀ	P10	43	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
6	BADIKOV M.F.	P10	61	1	10		70	KH-THAC	Russian
7	VU NGUYEN TRUNG	P10					50	KH-THAC	Vietnamese
8	PODYMОВ D.N	P10	49	1	7		147	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN QUỐC KHANH	P10	50	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ĐANG HOANG	P10	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THE HUNG	P10	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	58	1	4	40	72	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG SY NGUYEN	P10	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	51	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	44	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	VU BAO TRUNG	P10	54	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VĂN THAO	P10	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUU TRI	P10	56	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIỆT ANH	P10	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUỐC PHI	P10	57	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	46	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VĂN HUÂN	P10	42	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	3	4	27	205	15	1		
2	P10	19	19	108	1.381	40	18		
3	RCDM	0	0	0	0	60	3		
TOTAL		22	23	135	1.586	115	22		
WEIGHT KG				135	1.586	115			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2019	TO: BK14 - BK9 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - Nam - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN HOÀNG	BK14	27-28	2	5	20	59	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN SY LỤC	BK14	37	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI THANH LONG	BK14	29	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TRÁ	BK14	30	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT HÙNG	BK14	33-34	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THỊNH	BK14	31-32	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	BK14	35-36	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	KRAVTOV ALEKSANDR	BK9	22-23	2	15		71	DVL	Russian
9	TRẦN QUANG HUY	BK9	24	1	12		70	DVL	Vietnamese
10	LÊ HẢI NGÂN	TD2	30	1	15	55	52	KHOAN	Vietnamese
11	BABKIN A.M	TD2	29	1	8		91	KH-THAC	Russian
12	LƯU TIỀN THÀNH	TD2	01	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG HOÀNG	TD2	33	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG KHA	TD2	02	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD2	22	1	10		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	7	11	94	505	20	7		
2	BK9	2	3	27	141	0	0		
3	TD2	6	6	53	432	55	15		
TOTAL		15	20	174	1.078	75	22		
WEIGHT KG				174	1.078	75			

GRAND TOAL: 1.327 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2019	TO: CLO - P2 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hôi - Trường	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÔNG HÙNG	CLO	95	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	THAI KHÁC QUÝ	CLO	98	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG	CLO	99,1000	2	17	15	70	DVL	Vietnamese
4	PHAN CAO THUẬN	CLO	96-97	2	17		75	NHATHAU	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀI VŨ	P2	47	1	5		62	D-HANH	Vietnamese
6	PHẠM XUAN KHOA	P2	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ BA HÒA	P2	50	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LONG	P2	54	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
9	PARSHIN	P2	57	1	5		72	KH-THAC	Russian
10	PHAN ANH ĐỨC	P2	22	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG QUỐC BAO	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUAN PHONG	P2	49	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH UT	P2	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRI HAO	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ CÔNG ANH	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ XUÂN TUAN	P2	58	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ ĐÌNH TUYỀN	P2	53	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	55	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐANG QUANG TÊ	P2	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	6	44	285	15	1		
2	P2	18	14	79	1.216	50	14		
3	P6	0	0	0	0	15	7		
TOTAL		22	20	123	1.501	80	22		
WEIGHT KG				123	1.501	80			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2019	TO: BK5 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 11:20
vang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THẾ VINH	BK5	57	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	BK5	54	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN HỘI	BK5	56	1	6	35	70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN MINH XANH	BK5	55	1	12		57	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	74	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG MINH QUAN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THAI BÌNH	P2	80-81	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG MINH KHANH	P2	62	1	10		70	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIẾU	P2	75	1	12	11	82	DVL	Vietnamese
10	PHẠM MẠNH HAI	P2	72	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN NINH	P2	76-77	2	12		73	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM MINH VŨ	P2	78-79	2	20	15	77	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG TRÌNH	P2	66	1	3		79	NIPI	Vietnamese
14	LÊ TÙNG SƠN	P2	67	1	7		70	NIPI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	73	1	4		80	T-TIN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN NHỊ	P2	63	1	7		65	LILAMA	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC CHINH	P2	69	1	9		72	LILAMA	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH TUẤN	P2	65	1	7		68	LILAMA	Vietnamese
19	HOANG VĂN HUY	P2	70	1	6	20	80	LILAMA	Vietnamese
20	LÊ VIỆT TRUNG	P2	64	1	6		60	LILAMA	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU THANH	P2	71	1	12		65	LILAMA	Vietnamese
22	PHẠM TRỌNG HÀ	P2	68	1	8		58	LILAMA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	36	264	35	0		
2	P2	18	20	149	1.252	46	22		
TOTAL		22	24	185	1.516	81	22		
WEIGHT KG				185	1.516	81			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2019	TO: P8 - P10 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VThắng - Nam - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ QUANG PHÚC	P8	64-65	2	14	18	70	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ ĐÌNH VĂN	P10					69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỮU TRI	P10					64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN BAO TOÀN	P10	63-64	2	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH CÔNG VĂN	P10	62	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	65	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÀ THANH	P9	27	1	3	30	60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN QUÊ	P9	40	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	29	1	8		50	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	28	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH HAI	P9	32	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TÂM THUY	P9	30	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	39	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO VIỆT HAI	P9	35	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ LĂNG TÚ	P9	31	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	36-37	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	34	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐÀ KHA	P9	33	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	38	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	26	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	1	2	14	70	18	1		
2	P10	6	4	16	448	0	5		
3	P9	15	16	75	1.033	30	16		
TOTAL		22	22	105	1.551	48	22		
WEIGHT KG				105	1.551	48			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2019	TO: RP1 - BK10 - BK4	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - Trường	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAEV	RP1				5	80	AN TOAN	Russian
2	NGUYEN TAT HOA	BK10	49-50	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN CONG HOAN	BK10	56	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN CHAU NAM	BK10	55	1	5	30	82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGHIEM XUAN ANH	BK10	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VIET TUAN	BK10	58-59	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG THANG	BK10					75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN KIM	BK10	46-47	2	17		58	XLAP	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	BK10	45	1	8		60	XLAP	Vietnamese
10	KYREEV	BK10	51	1	5		90	NIPI	Russian
11	NHAM DIEN BIEN	BK10	52	1	5		60	NIPI	Vietnamese
12	MAI CAO DINH	BK10	53-54	2	10		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN DINH DUC	BK10	48	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	VU VAN CUONG	BK4	03	1	5	30	85	KH-THAC	Vietnamese
15	TONG TRUNG HUY	BK4	05-06	2	10	80	75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUC BA	BK4	01	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	HO HUU LINH	BK4	04	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
18	HO VAN DUC	BK4	02	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH BINH	BK4	09	1	5		67	PVGAS	Vietnamese
20	TRAN TUAN ANH	BK4	07-08	2	10		70	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	1	0	0	80	5	0		
2	BK10	12	15	97	825	30	10		
3	BK4	7	9	47	516	110	12		
TOTAL		20	24	144	1.421	145	22		
WEIGHT KG				144	1.421	145			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

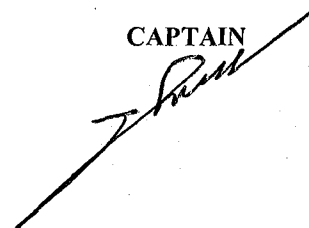
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2019	TO: P11 - P9 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Nam - DUONG - Luy	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN TUAN	P11					53	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH THE NHAN	P11	69	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MINH HIEN	P11	70	1	7	10	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TRUONG	P11	53	1	6		64	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HIEN	P11	66-67	2	6		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN HONG THANG	P11	68	1	6		75	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUY	P9	57	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
8	DAU THE HAI	P9	60	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	HUA SAY	P9	56	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI CONG THANG	P9	59	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG ĐỨC HAI	P9	55	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	58	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH HUY KHIEM B	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
14	NG. HOANG ĐAN	P9	54	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THAI	P4	34	1	4	61	60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	6	6	29	414	10	4		
2	P9	8	7	31	512	0	7		
3	P4	1	1	4	60	61	10		
TOTAL		15	14	64	986	71	21		
WEIGHT KG				64	986	71			

GRAND TOAL: 1.121 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN